

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 000

Câu 1. Nguyên tắc Kiểm tra ngay là?

- A. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp.
- B. Mọi yêu cầu thanh toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo.
- C. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân.
- D. Đáp án khác.

Câu 2. Khi có kẻ lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật cố gắng thuyết phục rằng thiết bị của bạn đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục các sự cố đó mà trên thực tế nó không hề tồn tại. Em có thể thực hiện nguyên tắc Dừng lại, không gửi bằng cách?

- A. Tự đặt ra câu hỏi khi thông báo hiện lên có vẻ rất khẩn cấp.
- B. Cập nhật phần mềm bảo mật và quét virus.
- C. Thử tìm kiếm tên công ty hoặc số điện thoại kèm theo những từ khóa như " lừa đảo" hoặc " khiêu nai". Tìm đến một đơn vị có uy tín và tin cậy để nhờ hỗ trợ.
- D. Các đơn vị hỗ trợ công nghệ hợp pháp sẽ không yêu cầu thanh toán ngay dưới dạng thẻ điện thoại, chuyển khoản..... khi mà dịch vụ chưa được thực hiện.

Câu 3. Hoạt động quản lí học sinh KHÔNG cần dữ liệu nào?

- A. Họ và tên học sinh.
- B. Địa chỉ của học sinh.
- C. Tính tình của học sinh.
- D. Thông tin của phụ huynh.

Câu 4. Quá trình tìm kiếm, sắp xếp hay lọc ra các dữ liệu theo những tiêu chí nào đó từ dữ liệu đã có thường được gọi là ...

- A. lưu trữ dữ liệu.
- B. cập nhật dữ liệu.
- C. truy xuất dữ liệu.
- D. khai thác thông tin.

Câu 5. Khai thác thông tin từ những dữ liệu đã có là?

- A. Tính toán dữ liệu.
- B. Phân tích dữ liệu.
- C. Thống kê dữ liệu.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 6. Quy tắc an toàn, bảo mật thông tin là?

- A. Yêu cầu phải tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- B. Đòi hỏi mọi hành vi ứng xử trên mạng xã hội phải phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
- C. Yêu cầu phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân và tổ chức.
- D. Hướng tới việc cần chịu trách nhiệm về các hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, khi có yêu cầu phải chủ động phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật.

Câu 7. Dữ liệu được tổ chức lưu trữ cần đảm bảo?

- A. Dễ dàng chia sẻ.
- B. Dễ dàng bảo trì phát triển.
- C. Hạn chế tối đa việc dữ liệu lặp lại, gây dư thừa dữ liệu.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 8. Tính bảo mật và an toàn của cơ sở dữ liệu là

- A. Cơ sở dữ liệu phải được bảo vệ an toàn, ngăn chặn được những truy xuất trái phép, chống được việc sao chép dữ liệu không hợp lệ.
- B. Khả năng mô đun phần mềm ứng dụng không cần phải cập nhật khi thay đổi cách thức tổ chức hoặc lưu trữ dữ liệu.
- C. Các giá trị dữ liệu phải thỏa mãn những ràng buộc cụ thể tùy thuộc vào thực tế mà nó phản ánh.

D. Đáp án khác.

Câu 9. Khi viết mô đun phần mềm thì người lập trình phải?

A. Biết sử dụng dữ liệu.

B. Biết phân loại dữ liệu.

C. Biết cấu trúc của các tệp dữ liệu.

D. Đáp án khác.

Câu 10. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là

A. Tập hợp các dữ liệu khác nhau được lưu vào máy tính theo một cấu trúc và logic nhất định.

B. Phần mềm dùng để tạo lập, tìm kiếm, lưu trữ,... cơ sở dữ liệu.

C. Phần mềm quản lý dữ liệu.

D. Đáp án khác.

Câu 11. Dữ liệu cần được bảo mật, chỉ cung cấp cho?

A. Người có thẩm quyền.

B. Người nắm dữ dữ liệu.

C. Người tạo lập phần mềm.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 12. Nhóm chức năng định nghĩa dữ liệu gồm?

A. Khai báo CSDL với tên gọi xác định.

B. Tạo lập, sửa đổi kiến trúc bên trong mỗi CSDL.

C. Nhiều hệ QTCSDDL cho phép cài đặt các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu để có thể kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 13. Hệ quả của việc không có tính năng bảo mật là?

A. Việc truy xuất dữ liệu trở nên phức tạp và khó khăn hơn.

B. Việc quản lý dữ liệu trở nên khó khăn và không hiệu quả.

C. Việc dữ liệu không được bảo vệ và có thể bị đánh cắp hoặc thay đổi bởi các kẻ tấn công.

D. Việc đồng bộ hóa dữ liệu giữa các ứng dụng khác nhau trở nên khó khăn và phức tạp hơn.

Câu 14. Việc kết nối dữ liệu hai bảng với nhau bằng khóa ngoài được gọi là

A. Liên kết dữ liệu theo định dạng.

B. Liên kết dữ liệu theo chữ.

C. Liên kết dữ liệu theo khóa.

D. Đáp án khác.

Câu 15. Mô hình dữ liệu quan hệ là?

A. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các bảng dữ liệu của các đối tượng có các thuộc tính khác nhau.

B. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các bảng dữ liệu của các đối tượng có các thuộc tính khác nhau có quan hệ với nhau.

C. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các bảng dữ liệu của các đối tượng có các thuộc tính giống nhau, có thể có quan hệ với nhau.

D. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các đối tượng.

Câu 16. Người ta thường chọn khóa có?

A. Số trường ít nhất.

B. Số trường nhiều nhất.

C. Số trường lạ nhất.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 17. Trường thể hiện?

A. Thuộc tính của đối tượng được quản lý trong bảng.

B. Định dạng của đối tượng được quản lý trong bảng.

C. Đặc điểm của đối tượng được quản lý trong bảng.

D. Đáp án khác.

Câu 18. Truy vấn cơ sở dữ liệu là?

A. Một “bộ lọc” có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một hệ cơ sở dữ liệu.

B. Một “bộ lọc” có khả năng thiết lập các các tiêu chí để hệ quản trị cơ sở dữ liệu thích hợp.

C. Một “bộ lọc” có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một hệ cơ sở dữ liệu và thiết lập các các tiêu chí để hệ quản trị cơ sở dữ liệu thích hợp.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 19. Muốn sắp xếp các dòng kết quả theo thứ tự chỉ định ta dùng câu truy xuất nào dưới đây?

A. WHERE < điều kiện chọn>.

B. ORDER BY < tên trường>.

C. INNER JOIN.

D. DELETE FROM < tên bảng> WHERE < điều kiện>.

Câu 20. Thành phần nào của SQL cung cấp các câu truy vấn cập nhật và truy xuất dữ liệu?

A. DML.

B. DDL.

C. DCL.

D. DSL.

Câu 21. Dữ liệu cần lấy có thể là?

- A. Danh sách các trường hay hàm nào đó với các biến là các trường trong bảng.
 B. Danh sách các trường hay hàm nào đó với các biến là các dòng trong bảng.
 C. Danh sách các trường hay hàm nào đó với các biến là các hàng trong bảng.
 D. Danh sách các trường hay hàm nào đó với các biến là các cột trong bảng.
- Câu 22.** Em sẽ làm gì khi tài khoản của mình bất ngờ được đặc quyền admin của 1 hệ CSDL?
 A. Cảnh báo với tổ chức có liên quan và trình báo với chính quyền địa phương.
 B. Không làm gì cả.
 C. Rao bán tài khoản có đặc quyền trên.
 D. Khóa tài khoản trên.
- Câu 23.** Vì sao cần có kế hoạch kiểm tra định kỳ hệ thống?
 A. Giám sát hoạt động bất thường đối với hệ thống.
 B. Làm việc đúng giờ giấc.
 C. Điều khiển việc truy cập hệ thống.
 D. Kiểm tra số lượng người truy cập.
- Câu 24.** Vì sao cần phải có ổ đĩa dự phòng:
 A. Để sao lưu dữ liệu.
 B. Tránh bị mất dữ liệu.
 C. Tránh bị ăn cắp dữ liệu.
 D. Tránh hệ thống bị treo.
- Câu 25.** Một hệ CSDL được xây dựng nhằm mục đích phục vụ cho bao nhiêu hệ thống quản lý cụ thể:
 A. 1.
 B. Không dành cho tổ chức nào.
 C. 2.
 D. Không giới hạn.
- Câu 26.** Làm thế nào để có thể vận hành duy trì cho các CSDL hoạt động thông suốt, luôn sẵn sàng đáp ứng được nhu cầu khai thác?
 A. Cần có các phần mềm thông minh mới.
 B. Cần có các chính sách thích hợp.
 C. Cần có những nhà quản trị cơ sở dữ liệu để đảm bảo quản lí các dữ liệu liên quan.
 D. Cả ba đáp án trên đều đúng.
- Câu 27.** Theo lịch sử phát triển, máy tính thay đổi như thế nào về điện năng tiêu thụ?
 A. Từ tiêu thụ nhiều điện đến tiêu thụ ít điện năng.
 B. Từ không tiêu thụ điện năng đến tiêu thụ nhiều điện và đến tiêu thụ ít điện năng.
 C. Từ tiêu thụ nhiều điện đến tiêu thụ ít điện năng và không tiêu thụ điện năng.
 D. Đáp án khác.
- Câu 28.** Tại sao nhu cầu nhân lực về quản trị CSDL ngày một tăng?
 A. Do tính toàn cầu hóa và số hóa.
 B. Sự tăng trưởng của Big Data.
 C. Yêu cầu bảo mật và an ninh dữ liệu, khả năng tích hợp và tương tác giữa các hệ thống khác nhau cùng với cơ hội việc làm và mức lương cao trong lĩnh vực này.
 D. Cả ba đáp án trên đều đúng.
- Câu 29.** Cộng các số nhị phân $10001 + 10011$, sau đó chuyển kết quả sang hệ thập phân ta được:
 A. 45
 B. 30
 C. 72
 D. 36
- Câu 30.** Hệ điều hành DOS sử dụng giao diện nào?
 A. Giao diện đồ họa.
 B. Giao diện dòng lệnh.
 C. Giao diện Windows.
 D. Giao diện macOS.
- Câu 31.** Phần mềm tự do là
 A. Phần mềm để bán.
 B. Phần mềm thương mại.
 C. Phần mềm miễn phí.
 D. Phần mềm nguồn mở.
- Câu 32.** Khi thiết bị lưu trữ bị hỏng vì quá tuổi thọ, em nên
 A. Dùng bộ lưu điện để cấp điện ngay cho hệ thống máy tính quản trị cơ sở dữ liệu khi mất điện đột ngột.
 B. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp điện, đặc biệt trong những thời gian nhu cầu sử dụng điện tăng vọt.
 C. Quản lí thời gian sử dụng của thiết bị lưu trữ, thay thế trước khi thiết bị đến giai đoạn thường bị hư hỏng.
 D. Xây dựng hệ thống cấp điện đủ công suất.
- Câu 33.** Google Drive là công cụ trực tuyến để lưu trữ và chia sẻ tệp tin của nhà cung cấp nào?
 A. Google
 B. Apple
 C. Microsoft
 D. Dropbox

Câu 34. Để sắp xếp, phân loại thư trong Gmail, em dùng

- A. Đánh dấu quan trọng (important).
- B. Nhãn (label).
- C. iCloud.
- D. Lệnh Import.

Câu 35. Nguyên tắc thứ nhất khi nhận được tin nhắn yêu cầu chuyển tiền là

- A. Hãy chậm lại!
- B. Kiểm tra ngay!
- C. Dừng lại, không gửi!
- D. Gửi ngay!

Câu 36. Cập nhật dữ liệu là

- A. Việc sử dụng USB để sao lưu và chuyển dữ liệu từ máy tính này sang máy tính khác.
- B. Việc lưu trữ và chia sẻ dữ liệu bằng công cụ Google Drive.
- C. Việc thêm, xóa và chỉnh sửa dữ liệu.
- D. Việc tìm kiếm, sắp xếp hay lọc ra các dữ liệu theo những tiêu chí nào đó từ dữ liệu đã có.

Câu 37. Việc phụ thuộc giữa chương trình và dữ liệu dẫn tới hậu quả gì?

C, Nếu thay đổi dữ liệu, phần mềm sẽ bị xóa khỏi máy tính.

- A. Nếu thay đổi dữ liệu, chương trình sẽ bị hỏng.
- B. Nếu thay đổi cách lưu trữ dữ liệu phải sửa đổi phần mềm.
- C. Dữ liệu sẽ tự động thay đổi khi chương trình bị xóa.

Câu 38. Chức năng truy xuất dữ liệu nằm trong nhóm chức năng nào của hệ quản trị cơ sở dữ liệu?

- A. Nhóm chức năng định nghĩa dữ liệu.
- B. Nhóm chức năng cập nhật và truy xuất dữ liệu.
- C. Nhóm chức năng bảo mật, an toàn cơ sở dữ liệu.
- D. Nhóm chức năng chia sẻ dữ liệu.

Câu 39. Bảo đảm an toàn dữ liệu là

- A. Đảm bảo phần mềm không bị hỏng khi có sự cố về điện.
- B. Giảm thiểu hỏng phần cứng, phần mềm khi có sự cố hư hỏng thiết bị lưu trữ.
- C. Đảm bảo để dữ liệu trong cơ sở dữ liệu không bị sai lệch, mất mát khi hệ thống phần cứng, phần mềm gặp sự cố rủi ro.
- D. Đảm bảo thông tin người dùng không bị sai lệch trong quá trình nhập dữ liệu.

Câu 40. Bảng A có thể có trường k làm khóa chính ở một bảng B. Khi đó hai bảng A và B được gọi là _____ qua _____ của bảng A.

- A. Có quan hệ với nhau; khóa ngoài k.
- B. Có quan hệ với nhau; khóa chính k.
- C. Không có quan hệ với nhau; khóa ngoài k.
- D. Không có quan hệ với nhau; khóa chính k.

----- HẾT -----